TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 13 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Tuyên

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1972 tại huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức B, sinh năm 1935; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1937; vợ Đặng Thị K, sinh năm 1975 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Chu Thị T, vắng mặt.
2. Chị Triệu Thị Đ, vắng mặt.
3. Ông Mã Văn N, vắng mặt.
4. Chị Nguyễn Thị H, vắng mặt.
5. Bà Nông Thị B, vắng mặt.

6. Bà Triệu Thị C, vắng mặt.

7. Ông Lương Văn C, vắng mặt.

8. Anh Triệu Văn T, vắng mặt.

9. Anh Hoàng Thanh Tr, vắng mặt.

10. Ông Trần Văn D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, Nguyễn Đức T (là chủ rừng) đã thực hiện hành vi thuê người dân trong thôn C - T, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để chặt phá hoàn toàn 01 lô rừng tại thửa 273, khoảnh 2, tiểu khu 15 thuộc thôn C - T, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn với 25.195,2m^2 là rừng sản xuất của mình quản lý để trồng cây quế, không xin phép cơ quan chức năng. Sau khi phát hiện Ủy ban nhân dân xã T và Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định tiến hành lập biên bản vi phạm để giải quyết theo quy định của pháp luật. Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định đã khởi tố vụ án và chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định khởi tố bị can tiến hành điều tra làm rõ hành vi hủy hoại rừng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đức T khai nhận: Tháng 7/2017 bị cáo đã mua thửa đất rừng sản xuất số 273, khoảnh 12, tiểu khu 15 với bà Chu Thị T với diện tích 147.003m^2; sau khi mua làm thủ tục chuyển nhượng sang tên đổi chủ, đến năm 2018 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Nguyễn Đức T. Sau đó Nguyễn Đức T đã trồng được khoảng 1.700 cây quế; để mở rộng thêm diện tích trồng cây Quế, nên từ đầu năm 2019 Nguyễn Đức T đã hai lần thuê người dân phát quang với diện tích là 44.513,1m^2, cụ thể: Lần 1 khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019 thuê người phát quang 7.253,9m^2 để trồng khoảng 7.000 cây quế; Lần 2: khoảng tháng 4/2019 thuê người phát quang 37.259,2m^2 để trồng khoảng 10.000 cây Quế. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và đo đạc thực tế ngày 11/7/2019 đã xác định diện tích rừng bị Nguyễn Đức T thuê người phát quang với tổng diện tích 44.513,1m^2 để trồng quế, trong đó có 25.195,2m^2 là đất rừng sản xuất, phần diện tích rừng còn lại không phải là rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSTĐ ngày 16/12/2019, truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, bị cáo cho rằng mục đích thuê người chặt phá rừng để trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn, bị cáo không biết rằng việc chặt phá như vậy phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s, m khoản 1, 2 Điều 51và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (lăm) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 106, tịch thu tiêu hủy 05 con dao và 01 máy cưa đã cũ do không có giá trị sử dụng.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương và hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên, Điều tra viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa ngày hôm nay, những người làm chứng là bà Chu Thị T, chị Triệu Thị Đ, ông Mã Văn N, chị Nguyễn Thị H, bà Nông Thị B, bà Triệu Thị C, ông Lương Văn C, anh Triệu Văn T, anh Hoàng Thanh T, ông Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án do vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định từ cuối năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 tự ý hai lần thuê người dân chặt phá mở rộng rừng sản xuất tại thửa 273, khoảnh 2, tiểu khu 15 thuộc thôn C - T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với tổng diện tích chặt phá 25.195,2m^2 là đất rừng sản xuất do mình là chủ quản lý (chủ rừng) để trồng cây quế, khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Như vậy bị cáo đã phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tôi: Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về lĩnh vực quản lý rừng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận

thức rõ được hành vi của mình. Mục đích của bị cáo là do muốn phát triển kinh tế gia đình nên bị cáo đã mua lại rừng của những hộ dân thôn C - T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, sau đó thuê người chặt phá những cây gỗ tạp có trên rừng để trồng cây quế cho giá trị kinh tế cao hơn, bị cáo chưa được tuyên truyền, nên không biết việc chặt phá rừng do mình làm chủ mà chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng, chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức phạm luật còn hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, m khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy theo tại liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay thể hiện bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: 05 con dao và 01 máy cưa đây là tang vật phạm tội, đã cũ không còn giá trị sử dụng do vậy cần tịch thu tiêu hủy

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, m khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 3 Điều

106; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (lăm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 05 con dao dạng liềm và 01 máy cưa lưỡi bị gẫy rời đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, ngày 20/12/2019.

4. Về án phí: bị cáo Nguyễn Đức T bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UBND thị trấn T;
- Bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ)
- Lưu hồ sơ vụ án; tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bình